

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/DS-ST**

Ngày 04/3/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình

2. Bà Nguyễn Thị Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 138/2019/TLST-DS, ngày 02/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 14/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Mai H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 144, tổ 17 (tổ 37 cũ), phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 12 (thôn Sông Lô 1 cũ), phường An T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Bà Đinh Thị Mai H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 03/11/2017 Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 12 (thôn Sông Lô 1 cũ), phường An T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang có hỏi vay Bà Đinh Thị Mai H số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), mục đích để làm ăn, bà H và ông T có lập Hợp đồng cho vay tiền, thời hạn vay là từ 03/11/2017 đến 03/11/2018. Đã quá thời hạn thanh toán nợ, bà H đã đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn chưa thanh toán cho bà H số tiền trên nên bà H làm đơn khởi

kiện vụ án dân sự, yêu cầu Ông Nguyễn Quang T phải trả cho bà H số tiền gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa Bà Đinh Thị Mai H bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Ông Nguyễn Quang T phải thanh toán cho bà lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc 60.000.000đ tính từ ngày 03/11/2018 đến ngày xét xử 04/3/2020 làm tròn là 15 tháng với mức lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, cụ thể: Số tiền lãi được tính đối với số tiền gốc là $60.000.000đ \times 0,83/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 7.470.000đ$ (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền bà H yêu cầu Ông Nguyễn Quang T phải thanh toán cả gốc và lãi là 67.470.000đ (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Đinh Thị Mai H đề nghị HĐXX giải quyết, Ông Nguyễn Quang T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án.

Ông Nguyễn Quang T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Q đã tổng đạt hợp lệ Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng Ông Nguyễn Quang T không đến tham gia phiên họp theo thông báo của Tòa án, tại bản tự khai ngày 13/01/2020 ông T xác nhận có vay của Bà Đinh Thị Mai H số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) từ ngày 03/11/2017, trước yêu cầu khởi kiện của bà H ông T có ý kiến: Do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị bà H thanh cho thanh toán dần (mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng)).

Bà H không nhất trí ý kiến của ông T về việc cho ông T thanh toán dần mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn và có mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt.

- Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho các đương sự, nguyên đơn có mặt theo thông báo của Tòa án, bị đơn vắng mặt không lý do.

HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Mai H yêu cầu Ông Nguyễn Quang T phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), và lãi suất là 0,83%/tháng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Việc vay tiền giữa bà H và ông T có Hợp đồng vay tiền lập ngày 03/11/2017, tại bản tự khai Ông Nguyễn Quang T cũng đã xác nhận ngày 03/11/2017 có vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) của bà H.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm và lãi suất chậm trả được xác định là 10%/năm. Như vậy, căn cứ các Điều 280; 463, 466; 468; 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đinh Thị Mai H, buộc Ông Nguyễn Quang T có nghĩa vụ trả cho Bà Đinh Thị Mai H số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 7.470.000đ (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 67.470.000đ (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Quang T không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, Ông Nguyễn Quang T phải chịu 3.373.500 (Ba triệu ba trăm bảy ba nghìn năm trăm đồng) Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Bà Đinh Thị Mai H không phải chịu án phí. Trả lại Bà Đinh Thị Mai H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001005 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280; 463, 466; 468; 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T phải có trách nhiệm thanh toán cho Bà Đinh Thị Mai H số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 7.470.000đ (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 67.470.000đ (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Ông Nguyễn Quang T phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 3.373.500 (Ba triệu ba trăm bảy ba nghìn năm trăm đồng). Bà Đinh Thị Mai H không phải chịu án phí. Trả lại Bà Đinh Thị Mai H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001005 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Bà Đinh Thị Mai H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 04/3/2020; Ông Nguyễn Quang T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tpTuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hữu Bình – Nguyễn Thị Tường

Vương Thị Lan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục T.H.A DS TP Tuyên Quang;
- UBND xã Đội Cấn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

Vương Thị Lan

